TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/DS-ST
Ngày: 11-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phượng;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2019/QĐST-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ M, khu phố N, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thu T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, đường V, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 12/8/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Quang H trình bày:

Ngày 26/01/2019, ông có cho bà Lê Thu T vay số tiền nợ gốc là 56.000.000 đồng. Thời gian vay là 06 tháng kể từ ngày 26/01/2019 đến ngày 26/07/2019. Lãi suất là 1.6%/tháng. Hai bên thỏa thuận tiền gốc sẽ thanh toán 01 lần vào ngày 26/7/2019, còn tiền lãi sẽ thanh toán hàng tháng. Ông H đã giao đủ số tiền nợ gốc cho bà T theo như thỏa thuận, nhưng kể từ khi nhận tiền đến nay bà T không trả lãi

và nợ gốc cho ông H.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thanh toán các khoản tiền sau:

+ Nợ gốc là 56.000.000 đồng;

+ Lãi suất trên nợ gốc trong thời gian từ ngày 26/01/2019 đến ngày 26/7/2019 là 56.000.000 đồng x 1.6% x 06 tháng = 5.376.000 đồng;

+ Tiền lãi đối với số tiền lãi suất chậm trả trên nợ gốc chậm trả tính từ ngày 26/7/2019 đến khi xét xử khoảng 05 tháng là 5.376.000 đồng x 0.83% x 5 tháng = 223.104 đồng;

+ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 56.000.000 đồng x 150% x 1.6% x 5 tháng = 6.720.000 đồng.

2. Tại Bản tự khai ngày 08/10/2019 và trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Lê Thu T trình bày:

Vào tháng 10/2017, bà Lê Thu T có vay của ông Lê Quang H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Khi vay tiền bà không hứa thời gian trả nợ mà chỉ đóng tiền lãi hàng tháng. Thời gian đầu bà T phải trả lãi suất cho ông H là 50%/năm, nhưng sau đó ông H tăng lãi lên dần dần từ 1.500.000 đồng/tháng lên đến 4.300.000 đồng/tháng, nên bà không còn khả năng để tiếp tục trả nợ cho ông H. Bà có ký giấy vay tiền viết tay do ông H đưa với nội dung là vay của ông H 25.000.000 đồng nợ gốc, nhưng giấy vay ông H giữ. Bà làm công cho nhà ông H nên hàng tháng trả lãi cho ông H, khi trả lãi thì bà không làm giấy tờ gì. Bà đã trả lãi cho ông H lãi từ tháng 10/2017 đến tháng 6/2019, bà không tiếp tục làm tại nhà ông H nên không đóng lãi nữa, bà không có giấy tờ nên không biết đã đóng cho ông H bao nhiêu tiền lãi.

Bà không vay của ông H số tiền 56.000.000 đồng, nhưng do bà thiếu số tiền 25.000.000 đồng và tiền lãi tăng thêm nên ông H cộng lại thành nợ 56.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 26/01/2019, bà không biết nội dung nhưng chữ ký và chữ viết họ tên là của bà, bà không biết vì sao có giấy mượn tiền trên.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông H, thì bà chỉ đồng ý trả số tiền mà bà đã vay của ông H là 25.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi suất. Bà yêu cầu ông H phải nộp cho Tòa án bản chính giấy mà bà mượn của ông H 25.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Lê Quang H trình bày: Xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu tính tính lãi đối với số tiền 12.319.104 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

- Bị đơn bà Lê Thu T trình bày: Bà không có vay của ông H số tiền 56.000.000 đồng, bà chỉ vay của ông H số tiền 25.000.000 đồng, giấy vay tiền ngày 26/01/2019 có chữ viết và ký tên không phải là của bà, nhưng bà không có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết giấy vay tiền trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu nhận xét về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứ các hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đồng thời, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút tại phiên tòa về phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang H là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà Lê Thu T có nơi cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thu T thừa nhận có vay của ông Lê Quang H số tiền 25.000.000 đồng, không thừa nhận vay số tiền 56.000.000 đồng, bà cho rằng số tiền 56.000.000 đồng là do bà còn thiếu số tiền 25.000.000 đồng và tiền lãi tăng thêm nên ông H cộng lại thành nợ 56.000.000 đồng, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Hơn nữa bà T không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 26/01/2019 với số tiền vay là 56.000.000 đồng là chữ ký và chữ viết của bà, nhưng bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trên giấy vay tiền trên.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 26/01/2019, giữa ông H và bà T đã xác lập "Hợp đồng mượn tiền". Nội dung của văn bản này là hợp đồng vay tài sản, tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thể hiện trong hợp đồng không trái pháp luật. Do đó, các hợp đồng nêu trên đã phát sinh hiệu lực buộc các bên phải tuân thủ thực hiện. Khi đến hạn thanh toán nhưng bà T không thanh toán cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán khoản vay trên là phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Quang H xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu tính lãi đối với số 12.319.104 đồng. Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là tự nguyện, không trái pháp luật, nên được HĐXX chấp nhận. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi là 12.319.104 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 244 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang H đối với bị đơn bà Lê Thu T về tranh chấp số tiền lãi 12.319.104 đồng (mười hai triệu ba trăm mười chín nghìn một trăm lẽ bốn đồng).

II. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Quang H đối với bị đơn bà Lê Thu T về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bị đơn bà Lê Thu T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Lê Quang H số tiền 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thu T phải nộp số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho ông Lê Quang H số tiền 1.708.000 đồng (một triệu bảy trăm lẽ tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0034608 ngày 26/9/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương